



CÃ'NG TY THIÁ^{03/4}T BÁ»Š VÃ€ CÃ•C GIÁ⁰çI PHÃ•P CÃ'NG NGHÃ»† AN HÃ'A

CÃ'ng ty Thiá⁰çt bá»Š vÃ cÃ'ç giá⁰çi phÃ'çp cÃ'ng nghÃ»† An HÃ'a

Vá⁰-t tÆ⁰ hÃ n cá⁰t



BÃ-nh khÃ- Acetylene (C₂H₂)
3 575 000.00vnÃ'

BÃ-nh khÃ- C₂H₂ [\[Chi tiá⁰çt...\]](#)



BÃ-nh khÃ- Oxy
2 750 000.00vnÃ'

BÃ-nh khÃ- Oxy [\[Chi tiá⁰çt...\]](#)



CÃ'çp hÃ n
[Ä'ia»†n thoá⁰çi Ä'á»†f biá⁰çt giÃ'ç](#)

CÃ'çp hÃ n [\[Chi tiá⁰çt...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 0,8mm
29 150.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.0mm
26 950.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.2mm
25 850.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.6mm
25 850.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n tá»± Ä‘á»™ng 4mm
30 250.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



HÃ³a chá»t kiá»fm tra má»i hÃ³n
236 500.00vnÄ³

Thuá»c kiá»fm tra má»i hÃ³n [\[Chi tiá»t...\]](#)



Má»j hÃ³n
38 500.00vnÄ³

Má»j hÃ³n [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG inox 2,4mm
215 600.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG nhÃ³m 2,4mm
187 000.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG thÃ³p Ä³en 2,4mm
83 600.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Thuá»c hÃ n SJ501T
19 250.00vnÄ‘

Thuá»c hÃ n [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



Ä•iá»fn cá»±c vonfram AC 2,4mm
49 500.00vnÄ‘

Ä•iá»fn cá»±c vonfram [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



Ä•iá»fn cá»±c vonfram DC 2,4mm
30 800.00vnÄ‘

Ä•iá»fn cá»±c vonfram [\[Chi tiáº¿t...\]](#)

-
-
-
-
-

« « Báºt Ä‘áºSu
« TrÆ°á»c
1
Tiáºp »
Cuá»i » »

Káºt quáº 1 - 16 cá»§a 16